

Số: 1306./QĐ-PVIBH

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy tắc bảo hiểm, Điều khoản bổ sung, Biểu phí
và Bảng tỷ lệ thương tật trong Bảo hiểm Xe cơ giới

TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 9/12/2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động của Tổng công ty Bảo hiểm PVI số 63 GP/KDBH ngày 28/6/2011 và các Giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Bảo hiểm PVI ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-PVI ngày 29/7/2011 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần PVI;

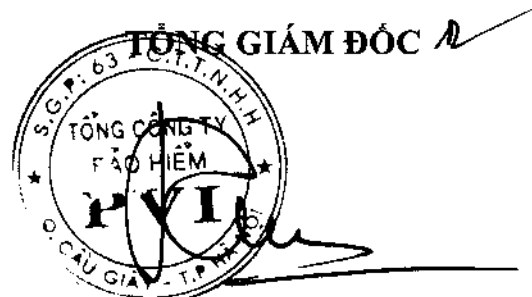
Xét đề nghị của Trưởng ban Bảo hiểm Xe cơ giới,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy tắc bảo hiểm xe cơ giới”, “Các điều khoản bổ sung bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới”, “Biểu phí bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới” và “Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật về người trong bảo hiểm xe cơ giới” của Tổng công ty Bảo hiểm PVI.
- Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017. Mọi quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.
- Điều 3:** Các phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban thuộc Tổng công ty, Giám đốc các công ty bảo hiểm thành viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT HĐTV (để b/cáo);
- KSV (để biết);
- Lưu VT, XCG, 2.



Trưởng Quốc Lâm

QUY TẮC BẢO HIỂM XE CƠ GIỚI

(Ban hành theo Quyết định số 1306/QĐ-PVIBH ngày 29 tháng 12 năm 2016 của
Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI)

Trên cơ sở Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Người được bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm theo quy định của Tổng công ty Bảo hiểm PVI (sau đây gọi là Bảo hiểm PVI), Bảo hiểm PVI nhận bảo hiểm theo các điều kiện, điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

Nội dung Quy tắc này bao gồm:

- Quy định chung (Chương I).
- Bảo hiểm Thiệt hại vật chất Xe cơ giới (Chương II).
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự của Chủ xe đối với hàng hoá vận chuyển trên xe (Chương III).
- Bảo hiểm Tai nạn Lái xe và Người ngồi trên xe (Chương IV).

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Định nghĩa

1. **Xe hay Xe cơ giới:** Bao gồm xe ô tô, máy kéo, xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích an ninh, quốc phòng (kể cả rơ-moóc và sơ mi rơ-moóc được kéo bởi xe ô tô hoặc máy kéo), xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe cơ giới tương tự (kể cả xe cơ giới dùng cho người tàn tật) có tham gia giao thông.
2. **Giấy yêu cầu bảo hiểm (viết tắt là GYCBH):** Là mẫu giấy in sẵn được sử dụng để Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Người được bảo hiểm ghi rõ các yêu cầu bảo hiểm nhằm thiết lập Bộ hợp đồng bảo hiểm. GYCBH là một bộ phận cấu thành và không tách rời của Bộ hợp đồng bảo hiểm. Khi yêu cầu bảo hiểm, Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Người được bảo hiểm phải kê khai đầy đủ và trung thực những nội dung trong GYCBH.
3. **Bản Hợp đồng bảo hiểm (viết tắt là HDBH):** là văn bản thoả thuận do Chủ xe/ Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Người được bảo hiểm và Bảo hiểm PVI/ Đại diện hợp pháp của Bảo hiểm PVI cùng ký kết. Mọi thay đổi liên quan đến nội dung của bản HDBH đã ký kết phải được các bên thoả thuận và xác lập bằng bản Phụ lục hợp đồng.
4. **Quy tắc bảo hiểm xe cơ giới (viết tắt là Quy tắc):** Văn bản quy định các điều khoản, điều kiện bảo hiểm tự nguyện Xe cơ giới do Bảo hiểm PVI ban hành, là căn cứ pháp lý để giải quyết bồi thường khi có tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm xảy ra đối với Xe tham gia bảo hiểm tại Bảo hiểm PVI.
5. **Giấy chứng nhận bảo hiểm (viết tắt là GCNBH):** Là giấy xác nhận trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm PVI với Chủ xe / Người được bảo hiểm theo các phạm vi bảo hiểm được ghi trên GCNBH, được Bảo hiểm PVI cấp cho Chủ xe / Người được bảo

hiểm. Cùng với GYCBH, GCNBH là bằng chứng của việc ký kết hợp đồng bảo hiểm giữa Chủ xe / Người được bảo hiểm và Bảo hiểm PVI và được điều chỉnh theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Quy tắc này.

6. **Các Điều khoản bảo hiểm bổ sung:** Là các điều khoản mở rộng hoặc giảm bớt phạm vi bảo hiểm được quy định trong GCNBH do Bảo hiểm PVI cấp và/hoặc trong HDBH.
7. **Sửa đổi bổ sung (viết tắt là SDBS):** Là văn bản do Bảo hiểm PVI cấp cho Chủ xe/ Người được bảo hiểm xác nhận các thay đổi về nội dung của GCNBH đã cấp trước đó trên cơ sở chấp thuận các yêu cầu bảo hiểm bổ sung của Chủ xe / Người được bảo hiểm bằng văn bản và là một bộ phận không tách rời của bộ Hợp đồng bảo hiểm
8. **Bộ Hợp đồng bảo hiểm:** bao gồm Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm, các Sửa đổi bổ sung (nếu có), bản HDBH (nếu có) và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có).
9. **Giá trị bảo hiểm:** Là giá trị thực tế của xe do Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Người được bảo hiểm thỏa thuận với Đại diện hợp pháp của Bảo hiểm PVI và phù hợp với giá trị thị trường tại thời điểm tham gia bảo hiểm (đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí theo quy định trong giá bán xe).
10. **Số tiền bảo hiểm (viết tắt là STBH):** Là số tiền mà Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Người được bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm và được ghi trên GCNBH / HDBH.
11. **Bảo hiểm dưới giá trị:** Là việc Chủ xe / Người được bảo hiểm tham gia bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm thấp hơn Giá trị bảo hiểm.
12. **Mức khấu trừ:** Là số tiền mà Chủ xe / Người được bảo hiểm sẽ phải tự chịu đối với mỗi tổn thất có thể khiếu nại theo GCNBH / HDBH. Mức khấu trừ quy định trên GCNBH / HDBH sẽ được trừ vào số tiền bồi thường.
13. **Miễn thường không khấu trừ:** Nếu mỗi vụ tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng Mức khấu trừ thì Bảo hiểm PVI sẽ không chi trả bồi thường. Nếu mỗi vụ tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm có giá trị lớn hơn Mức khấu trừ thì Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường mà không áp dụng Mức khấu trừ.
14. **Những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm:** Số tiền bảo hiểm, mục đích sử dụng xe, thay đổi kết cấu xe, thiết bị lắp thêm ...

Điều 2: Hiệu lực bảo hiểm

- 2.1. Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc theo thời hạn bảo hiểm được ghi trên GCNBH / HDBH. Trách nhiệm bồi thường của Bảo hiểm PVI chỉ phát sinh sau khi Chủ xe / Người được bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ ngay khi nhận GCNBH (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản).
- 2.2. Trong trường hợp chuyển quyền sở hữu xe hợp lệ theo quy định của pháp luật, mọi quyền lợi bảo hiểm liên quan đến xe được bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới. Trường hợp Chủ xe / Người được bảo hiểm cũ không chuyển quyền lợi bảo hiểm cho Chủ xe / Người được bảo hiểm mới và có yêu cầu hoàn phí bằng văn bản thì Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại phí cho Chủ xe / Người được bảo hiểm cũ theo Điều 3 dưới đây.

Điều 3: Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

- 3.1. Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực trong trường hợp Chủ xe cơ giới không đóng đủ phí bảo hiểm một lần khi cấp GCNBH hoặc trong thời hạn được quy định tại HDBH.

Trường hợp Chủ xe / Người được bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo quy định thì HĐBH và GCNBH đương nhiên bị chấm dứt hiệu lực vào ngày kế tiếp ngày cuối cùng của thời hạn nộp phí và Bảo hiểm PVI không phải gửi bất cứ thông báo nào đến Chủ xe / Người được bảo hiểm về việc chấm dứt bảo hiểm này.

Chủ xe / Người được bảo hiểm có trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán đủ số phí bảo hiểm còn nợ tương ứng với thời gian xe đã được bảo hiểm trong thời hạn nộp phí.

HĐBH / GCNBH sẽ được khôi phục hiệu lực kể từ thời điểm Chủ xe / Người được bảo hiểm đóng đầy đủ phí bảo hiểm và được Bảo hiểm PVI chấp thuận. Bảo hiểm PVI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ thời điểm HĐBH/ GCNBH chấm dứt hiệu lực đến thời điểm HĐBH / GCNBH được khôi phục hiệu lực.

3.2. Đơn phương chấm dứt hiệu lực HĐBH / GCNBH trước thời hạn:

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hiệu lực HĐBH / GCNBH theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia trước thời điểm chấm dứt tối thiểu 5 ngày.

Trường hợp Chủ xe / Người được bảo hiểm đơn phương chấm dứt hiệu lực HĐBH/ GCNBH trước thời hạn, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm chấm dứt bảo hiểm theo thông báo của Chủ xe / Người được bảo hiểm, Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại cho chủ xe 70% phần phí bảo hiểm của thời gian hủy bỏ với điều kiện Chủ xe / Người được bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn.

Trường hợp Bảo hiểm PVI đơn phương chấm dứt hiệu lực HĐBH / GCNBH, Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại cho Chủ xe / Người được bảo hiểm 100% phần phí bảo hiểm của thời gian hủy bỏ với điều kiện Chủ xe / Người được bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn.

Bảo hiểm PVI không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm trước thời điểm chấm dứt hiệu lực HĐBH / GCNBH và đã phát sinh trách nhiệm bồi thường bảo hiểm.

Điều 4: Trách nhiệm của Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe

- 4.1. Khi yêu cầu bảo hiểm, Chủ xe / Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện của Chủ xe phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm và/hoặc cung cấp đầy đủ thông tin về xe được quy định trong HĐBH theo mẫu của Bảo hiểm PVI.
- 4.2. Tạo điều kiện thuận lợi để Bảo hiểm PVI đánh giá tình trạng xe trước khi cấp GCNBH / HĐBH.
- 4.3. Có trách nhiệm đóng phí bảo hiểm đầy đủ ngay khi nhận GCNBH hoặc theo đúng thời hạn được quy định trong HĐBH.
- 4.4. Phải thông báo cho Bảo hiểm PVI trong vòng 15 ngày kể từ khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm:
 - 4.4.1. Trường hợp dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm: Chủ xe / Người được bảo hiểm có quyền yêu cầu Bảo hiểm PVI giảm phí cho thời gian bảo hiểm còn lại. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của Chủ xe / Người được bảo hiểm, Bảo hiểm PVI sẽ có công văn trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận giảm phí và thời hạn hoàn trả khoản phí bảo hiểm được giảm.

Trong trường hợp Bảo hiểm PVI không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì Chủ xe / Người được bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt HĐBH / GCNBH theo quy định tại Điều 3.2 của Quy tắc này.

- 4.4.2. Trường hợp dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm: Bảo hiểm PVI có quyền tăng phí bảo hiểm cho thời gian bảo hiểm còn lại kể từ thời điểm có sự thay đổi.

Trong trường hợp Chủ xe / Người được bảo hiểm không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì Bảo hiểm PVI có quyền đơn phương chấm dứt hiệu lực HĐBH / GCNBH theo quy định tại Điều 3.2 của Quy tắc này.

Trong trường hợp Chủ xe / Người được bảo hiểm không chấp nhận hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm đồng thời không chấp nhận tăng phí Bảo hiểm thì Bảo hiểm PVI sẽ giải quyết bồi thường theo tỷ lệ giữa phí bảo hiểm ghi trong HĐBH / GCNBH đã cấp và phí bảo hiểm thực tế đáng lẽ phải tăng.

- 4.5. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông, Luật Giao thông đường bộ.

- 4.6. Khi xảy ra tổn thất, Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe có trách nhiệm:

4.6.1. Thông báo ngay cho Bảo hiểm PVI theo hướng dẫn ghi trên GCNBH để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng).

4.6.2. Không được di chuyển xe làm mất hiện trường tai nạn, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo hiểm PVI; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4.6.3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), Chủ xe / Người được bảo hiểm phải thông báo tổn thất bằng văn bản (theo mẫu) cho Bảo hiểm PVI.

- 4.7. Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho Bảo hiểm PVI xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.

- 4.8. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của Bảo hiểm PVI để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Bảo hiểm PVI kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Bảo hiểm PVI để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được Bảo hiểm PVI bồi thường. Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe không tự ý thỏa thuận bồi thường với bên thứ ba khi chưa có ý kiến của Bảo hiểm PVI.

- 4.9. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế bộ phận và được Bảo hiểm PVI chấp thuận bồi thường, Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế có trách nhiệm bàn giao bộ phận bị thay thế cho Bảo hiểm PVI.

- 4.10. Trường hợp Xe bị mất toàn bộ, bị cướp thì Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe phải báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc và trong vòng 24 giờ phải thông báo cho Bảo hiểm PVI để cùng phối hợp giải quyết.

Điều 5: Trách nhiệm của Bảo hiểm PVI

- 5.1 Giải thích cho Chủ xe / Người được bảo hiểm về Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo

hiêm, quyền lợi và trách nhiệm của Chủ xe / Người được bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm.

- 5.2. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp Bảo hiểm PVI phải tiến hành xác minh hồ sơ sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường. Trong trường hợp Bảo hiểm PVI không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày Bảo hiểm PVI có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì Bảo hiểm PVI sẽ chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường.
- 5.3. Trường hợp từ chối bồi thường, Bảo hiểm PVI sẽ giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bảo hiểm PVI nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ.
- 5.4. Phối hợp chặt chẽ với Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe và cơ quan chức năng để giải quyết tổn thất.
- 5.5. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Chủ xe / Người được bảo hiểm, Bảo hiểm PVI sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.
- 5.6. Bảo hiểm PVI hướng dẫn Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 Quy tắc này.
- 5.7. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ xe / Người được bảo hiểm về sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, Bảo hiểm PVI sẽ đánh giá lại rủi ro, xác định lại phí bảo hiểm và hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn bảo hiểm còn lại.

Điều 6: Giám định tổn thất

- 6.1. Khi xảy ra tổn thất / tai nạn, mọi tổn thất hay thiệt hại về tài sản sẽ được Bảo hiểm PVI hoặc đại diện của Bảo hiểm PVI tiến hành giám định trực tiếp với sự có mặt của Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe hoặc đại diện của Chủ xe, các bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do tai nạn gây ra. Chi phí giám định tổn thất do Bảo hiểm PVI chịu.
- 6.2. Trường hợp Chủ xe / Người được bảo hiểm không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do Bảo hiểm PVI hoặc đại diện của Bảo hiểm PVI xác định, hai bên sẽ thỏa thuận chọn đơn vị giám định độc lập. Trường hợp Bảo hiểm PVI và Chủ xe / Người được bảo hiểm không thỏa thuận được việc chọn đơn vị giám định độc lập thì một trong hai bên được yêu cầu cơ quan chức năng đang thụ lý hồ sơ hoặc Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Chủ xe / Người được bảo hiểm chỉ định đơn vị Giám định độc lập. Kết luận của đơn vị giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với hai bên. Nếu kết quả giám định của đơn vị giám định độc lập trùng với kết quả giám định của Bảo hiểm PVI thì Chủ xe / Người được bảo hiểm phải thanh toán phí giám định.
- 6.3. Đối với những tổn thất mà Bảo hiểm PVI hoặc đại diện của Bảo hiểm PVI không có điều kiện giám định trực tiếp hoặc không có biên bản tai nạn của cơ quan công an thì Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe phải cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về

nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ / bản ảnh thiệt hại làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7: Hồ sơ yêu cầu bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể, hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

7.1. Tài liệu do Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe phải cung cấp:

7.1.1. Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (theo mẫu của Bảo hiểm PVI cung cấp).

7.1.2. Tài liệu liên quan đến xe, lái xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên Bảo hiểm PVI sau khi đã đối chiếu với bản chính hoặc bản ảnh do nhân viên Bảo hiểm PVI chụp và in màu) như sau:

- GCNBH / HĐBH và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
- Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ và còn hiệu lực của người điều khiển xe bị tổn thất;
- Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có);
- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ và còn hiệu lực (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam).

7.1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại bao gồm:

a. Đối với thiệt hại về tài sản:

- Các hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc cấu kéo (nếu có), sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại, chứng từ xác định giá trị tài sản (nếu cần);
- Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Chủ xe / Người được bảo hiểm / Người điều khiển xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của Bảo hiểm PVI.

b. Đối với thiệt hại về hàng hoá:

- Các chứng từ xác định nguồn gốc, giá trị hàng hoá như: hợp đồng vận chuyển, hoá đơn, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận hàng hoá ghi rõ khối lượng và số lượng hàng hoá, biên bản xác định tổn thất giữa chủ hàng và Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Người được bảo hiểm / Người thụ hưởng hợp pháp.

c. Đối với thiệt hại về người:

- Các chứng từ y tế xác định tình trạng thương tích của nạn nhân như: Giấy ra viện, bệnh án, giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật, giấy chứng từ, chứng từ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp (trường hợp Người được bảo hiểm chết). Giấy uỷ quyền hợp pháp trong trường hợp uỷ quyền.

7.1.4. Biên bản thỏa thuận / hòa giải (trong trường hợp hòa giải).

7.1.5. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có).

7.1.6. Các tài liệu cần thiết (biên bản, tài liệu xác định trách nhiệm của người thứ ba)

để chuyển quyền cho Bảo hiểm PVI đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà Chủ xe / Người được bảo hiểm đã hoặc sẽ được Bảo hiểm PVI giải quyết bồi thường cho thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).

7.2. Tài liệu do Bảo hiểm PVI phối hợp và/hoặc hướng dẫn Chủ xe / Người được bảo hiểm để thu thập:

7.2.1. Bản sao hợp lệ bộ hồ sơ có xác nhận của cơ quan Công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:

- Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn;
- Sơ đồ hiện trường tai nạn;
- Bản ảnh hiện trường và các tài sản liên quan (nếu có);
- Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn;
- Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
- Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có);
- Biên bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);
- Biên bản thỏa thuận / hòa giải (trong trường hợp hòa giải).

7.2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có).

7.2.3. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.

7.3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

7.4. Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:

7.4.1. Đơn trình báo mất trộm, mất cướp có xác nhận của cơ quan công an. Nếu đồng thời mất cả giấy tờ/ tài liệu liên quan đến xe do để cùng trên xe phải khai báo rõ nội dung này trong Đơn và có xác nhận của cơ quan công an.

7.4.2. Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm;

7.4.3. Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm.

Điều 8: Bảo hiểm trùng (không áp dụng cho Chương IV)

Bảo hiểm trùng là trường hợp cùng một đối tượng bảo hiểm được bảo hiểm cùng phạm vi bảo hiểm theo nhiều HĐBH / GCNBH với các doanh nghiệp bảo hiểm khác nhau. Tổng số tiền bồi thường của các HĐBH / GCNBH không vượt quá tổng số tiền thiệt hại thực tế của xe cơ giới. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các HĐBH / GCNBH Bảo hiểm PVI chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các HĐBH / GCNBH mà Chủ xe/ Người được bảo hiểm đã tham gia.
2. Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các HĐBH / GCNBH (nếu có) Bảo hiểm PVI sẽ giải quyết bồi thường độc lập theo HĐBH / GCNBH đã ký kết.

Điều 9: Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

9.1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm, trừ

trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan hoặc bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

- 9.2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của Bảo hiểm PVI là 90 ngày kể từ ngày Chủ xe / Người được bảo hiểm nhận được thông báo bồi thường của Bảo hiểm PVI. Quá thời hạn nêu trên, Bảo hiểm PVI sẽ không giải quyết khiếu nại.
- 9.3. Thời hiệu khởi kiện về việc giải quyết khiếu nại bảo hiểm của Bảo hiểm PVI là 03 (ba) năm kể từ ngày Chủ xe / Người được bảo hiểm nhận được thông báo giải quyết khiếu nại của Bảo hiểm PVI.
- 9.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ HĐBH / GCNBH Bảo hiểm PVI và Chủ xe / Người được bảo hiểm không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.

Điều 10: Những điểm loại trừ chung (áp dụng cho Chương II, Chương III)

Bảo hiểm PVI không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác, sử dụng xe.
2. Tại thời điểm tham gia giao thông xảy ra tổn thất, thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ và còn hiệu lực theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tổn thất, thiệt hại, Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp Người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe.
4. Xe bị tổn thất khi Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở vượt mức cho phép hoặc các chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
5. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định.
6. Xe dừng, đỗ tại khu vực cấm dừng, cấm đỗ dẫn đến thiệt hại tài sản.
7. Xe sử dụng để tập lái, đua xe (hợp pháp hoặc trái phép), chạy thử sau khi sửa chữa, xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.
8. Xe chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa.
9. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (trừ khi có thỏa thuận khác).
10. Tổn thất xảy ra trong những trường hợp sau: Chiến tranh, khủng bố và các lý do tương tự như nội chiến, bạo động, đình công.

Chương II

BẢO HIỂM THIẾT HẠI VẬT CHẤT XE CƠ GIỚI

Điều 11: Phạm vi bảo hiểm

- 11.1. Trừ những trường hợp Xe bị tổn thất thuộc những điểm loại trừ quy định tại Điều 12 dưới đây, Bảo hiểm PVI chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ xe / Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được... trong những trường hợp sau:
- a. Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác ngoài xe cơ giới), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;
 - b. Cháy, nổ;
 - c. Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên (Bao gồm nhưng không giới hạn bão, lũ, lụt, sét đánh, giông tố, động đất, sục lở, sóng thần...);
 - d. Mất toàn bộ xe do trộm, cướp;
 - e. Hành vi ác ý, cố tình phá hoại nhưng loại trừ hành vi ác ý, cố tình phá hoại của Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe / Người được giao sử dụng chiếc xe đó.
- 11.2. Ngoài số tiền bồi thường, Bảo hiểm PVI còn thanh toán cho Chủ xe/ Người được bảo hiểm những chi phí cần thiết và hợp lý để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của Bảo hiểm PVI khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm:
- a. Chi phí bảo vệ hiện trường, ngăn ngừa hạn chế tổn thất có thể phát sinh thêm;
 - b. Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất.
- Đối với trường hợp tổn thất toàn bộ thuộc phạm vi bảo hiểm, ngoài số tiền bồi thường toàn bộ, Bảo hiểm PVI sẽ chi trả các khoản chi phí tại điểm a và b Khoản 11.2 này và tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm.

Điều 12: Loại trừ bảo hiểm

Bảo hiểm PVI không chịu trách nhiệm bồi thường cho xe được bảo hiểm bị tổn thất trong các trường hợp sau:

1. Những tổn thất thuộc điểm loại trừ chung quy định tại Điều 10 – Chương I.
2. Tổn thất do hao mòn tự nhiên phát sinh trong quá trình hoạt động của xe, hoặc do bản chất vốn có của tài sản, hỏng hóc do khuyết tật của xe hoặc hỏng thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử), các thiệt hại gián tiếp như giảm giá trị thương mại, ngừng sản xuất, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác xe.
3. Hư hỏng động cơ do xe hoạt động trong vùng/ đường đang bị ngập nước hoặc do nước lọt vào động cơ gây nên hiện tượng thủy kích (loại trừ trường hợp xe bị tai nạn bất ngờ đâm xuống ao, hồ, sông, suối... dẫn đến nước lọt vào động cơ gây nên hiện tượng thủy kích).
4. Hư hỏng về điện hoặc bộ phận máy móc, thiết bị (kể cả hệ thống âm thanh, điều hòa) không phải do các nguyên nhân thuộc phạm vi bảo hiểm gây ra.
5. Tổn thất đối với sẫm, lốp, bạt thùng xe, logo biểu tượng, nhãn mác, nắp trang trí trực bánh xe, chìa khóa xe, tấm lót gầm trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.

6. Mất bộ phận của xe trong mọi trường hợp (trừ khi có thỏa thuận khác).
7. Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê, cho mượn, siết nợ hoặc tranh chấp), trừ khi có thỏa thuận khác.
8. Xe chờ quá trọng tải, quá số lượng người từ 50% trở lên theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
9. Tồn thất về xe và/hoặc các thiết bị chuyên dùng trên xe do hoạt động (trong mọi trường hợp) của các thiết bị chuyên dùng trên chính xe đó gây ra (trừ khi có thỏa thuận khác).
10. Tồn thất các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe: bảo vệ cản trước, bảo vệ cản sau) và/hoặc xe bị tồn thất do độ / chế các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật (trừ khi có thỏa thuận khác).
11. Những vụ tồn thất có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn mức khấu trừ.
12. Xe chạy vượt quá 50% tốc độ cho phép trở lên theo quy định của pháp luật (có kết luận của cơ quan chức năng có thẩm quyền).

Điều 13: Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường)

- 13.1. Số tiền bảo hiểm là số tiền mà Chủ xe / Người được bảo hiểm yêu cầu Bảo hiểm PVI bảo hiểm cho xe và được ghi trên HDBH / GCNBH.
- 13.2. Chủ xe / Người được bảo hiểm có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của xe (giá trị bảo hiểm).
- 13.3. Bảo hiểm PVI xác định giá trị của xe tham gia bảo hiểm cụ thể như sau:
 - 13.3.1. Đối với xe mới (100%): Giá trị của xe mới 100% là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
 - 13.3.2. Đối với xe đã qua sử dụng: Giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) với tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) với tỷ lệ (%) chất lượng còn lại được xác định trong tờ khai hải quan nhập khẩu.
 - a) Tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe tham gia bảo hiểm được xác định như sau:
 - Thời gian đã sử dụng từ 01 năm trở xuống: 100%
 - Thời gian đã sử dụng từ trên 01 năm đến hết 03 năm: 85%
 - Thời gian đã sử dụng từ trên 03 năm đến hết 06 năm: 70%
 - Thời gian đã sử dụng từ trên 06 năm đến hết 10 năm: 55%
 - Thời gian đã sử dụng trên 10 năm: 40%.
 - b) Thời gian đã sử dụng của xe được tính như sau:
 - Đối với xe sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu mới 100%: Từ năm đăng ký lần đầu đến năm tham gia bảo hiểm.
 - Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng: Từ năm sản xuất đến năm tham gia bảo hiểm.

Điều 14: Bồi thường

14.1. Bồi thường tổn thất bộ phận:

- 14.1.1. Bảo hiểm PVI chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận bị tổn thất hoặc trả bằng tiền cho Chủ xe / Người được bảo hiểm để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có) đồng thời thu hồi lại bộ phận hư hỏng được thay thế.
- 14.1.2. Cách xác định số tiền bồi thường:
- Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa Số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm.
 - Trường hợp xe được bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất. Bảo hiểm PVI chỉ chấp nhận thay thế mới đối với những hạng mục bị tổn thất không thể khắc phục được hoặc chi phí khắc phục vượt quá 70% giá trị thay mới của hạng mục đó.
- 14.1.3. Bảo hiểm PVI bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 70% diện tích sơn của xe bị tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm.
- 14.1.4. Trường hợp chấp nhận thay mới các hạng mục bị tổn thất, Bảo hiểm PVI sẽ giải quyết như sau:
- Đối với các trường hợp xe không tham gia Điều khoản bảo hiểm bổ sung “ĐKBS 006/XCG-PVI - Không tính khấu hao phụ tùng, vật tư thay mới” sẽ áp dụng Bảng tỷ lệ khấu hao sau:

BẢNG TỶ LỆ KHẤU HAO BỘ PHẬN

Thời gian sử dụng	Tỷ lệ khấu hao
Đến 3 năm	0%
Từ trên 3 năm đến 6 năm	15%
Từ trên 6 năm đến 10 năm	25%
Từ trên 10 năm đến 15 năm	35%
Từ trên 15 năm đến 20 năm	50%

Đối với các loại xe đầu kéo, xe khách liên tỉnh, xe cho thuê tự lái, xe taxi, tỷ lệ khấu hao sẽ được tính như sau:

- Xe sử dụng đến 3 năm: 15%
- Xe sử dụng từ trên 3 năm: tính bằng 150% tỷ lệ khấu hao tương ứng với số năm sử dụng nêu trên.

Trong trường hợp Cơ sở sửa chữa, Người được bảo hiểm và Bảo hiểm PVI cùng nhau thống nhất và xác định được các hạng mục thay thế không phải là phụ tùng mới, là phụ tùng cũ tương đương với phụ tùng bị hư hỏng thì không tính khấu hao bộ phận.

- Đối với các trường hợp xe có tham gia Điều khoản bảo hiểm bổ sung “ĐKBS 006/XCG-PVI - Không tính khấu hao phụ tùng, vật tư thay mới”

sẽ không tính khấu hao các vật tư/ phụ tùng bị tổn thất khi phải thay mới (không bao gồm săm, lốp, gas hệ thống điều hòa nhiệt độ, nước mát).

Riêng tổn thất đối với săm, lốp, gas hệ thống điều hòa nhiệt độ, nước mát trong mọi trường hợp sẽ áp dụng tỷ lệ khấu hao 30% đối với năm sử dụng đầu tiên (từ năm đăng ký lần đầu) và 50% đối với tất cả các năm tiếp theo.

14.2. Bồi thường tổn thất toàn bộ

14.2.1. Bảo hiểm PVI bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thực tế hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm trước khi xảy ra tổn thất.

14.2.2. Bảo hiểm PVI có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp khi có kết luận của cơ quan công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.

14.2.3. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá trị thực tế của xe trước khi xảy ra tổn thất cùng chủng loại, thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên HĐBH / GCNBH.

14.3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi Bảo hiểm PVI đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của Bảo hiểm PVI, cụ thể:

14.3.1. Đối với trường hợp bồi thường thay thế bộ phận, Bảo hiểm PVI sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được thay thế.

14.3.2. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi Bảo hiểm PVI đã giải quyết bồi thường thì toàn bộ chiếc xe bị tổn thất sẽ thuộc sở hữu của Bảo hiểm PVI. Trường hợp xe tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì Bảo hiểm PVI thu hồi phần giá trị tương ứng theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Chủ xe / Người được bảo hiểm có đề nghị nhận lại chiếc xe bị tổn thất, Bảo hiểm PVI sẽ giảm số tiền bồi thường tương đương giá trị thanh lý chiếc xe đó theo định giá của cơ quan chức năng do Bảo hiểm PVI chỉ định.

14.3.3. Đối với trường hợp đã giải quyết bồi thường cho xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe thì Bảo hiểm PVI được quyền sở hữu chiếc xe đó.

Điều 15: Mức khấu trừ (áp dụng đối với tổn thất vật chất xe)

15.1 Trừ khi có thỏa thuận khác và được ghi trên GCNBH / HĐBH, Bảo hiểm PVI áp dụng mức khấu trừ tối thiểu là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/vụ đối với xe không kinh doanh vận tải và 1.000.000 (một triệu) đồng/vụ đối với xe kinh doanh vận tải.

15.2 Mức khấu trừ không áp dụng trong trường hợp tổn thất toàn bộ.

15.3. Đối với các tổn thất vật chất được bảo hiểm mở rộng theo các điều khoản bổ sung (Chủ xe / Người được bảo hiểm yêu cầu và phải trả phụ phí), mức khấu trừ riêng quy định trong (các) điều khoản bổ sung đó (nếu có) độc lập với mức khấu trừ quy định tại Điều 15 này.

Điều 16: Giảm trừ bồi thường

16.1. Bảo hiểm PVI thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

16.1.1. Giảm từ 10% đến 20% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Chủ xe / Người được bảo hiểm không gửi Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (bằng văn bản) cho Bảo hiểm PVI trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đã được Bảo hiểm PVI giám định thiệt hại trong thời gian này, hoặc đã thông báo cho Bảo hiểm PVI theo số điện thoại Hotline ngay thời điểm xảy ra tai nạn).
 - Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất; không thông báo ngay cho Bảo hiểm PVI hoặc không thực hiện theo đúng hướng dẫn quy định của Bảo hiểm PVI.
- 16.1.2. Giảm 30% số tiền bồi thường trong trường hợp Chủ xe/ Người được bảo hiểm/ Người điều khiển xe tự ý di chuyển khỏi hiện trường, (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền), tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo hiểm PVI.
- 16.1.3. Xe chở quá trọng tải, quá số lượng người (từ trên 20% đến dưới 50%) theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Bảo hiểm PVI sẽ giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ phần trăm (%) chở quá trọng tải / quá số người (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi).
- 16.1.4. Giảm trừ 50% đến 100% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
- Giảm trừ 50% số tiền bồi thường trong trường hợp Xe chạy vượt quá tốc độ dưới 50% tốc độ cho phép theo quy định của pháp luật (có kết luận của Cơ quan chức năng có thẩm quyền).
 - Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho Bảo hiểm PVI kèm theo toàn bộ hồ sơ, các tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với Bảo hiểm PVI để đòi lại người thứ ba, tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba không theo chỉ dẫn hoặc khi chưa có ý kiến của Bảo hiểm PVI.
 - Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; không tạo điều kiện thuận lợi cho Bảo hiểm PVI trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
- 16.1.5. Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:
- Chủ xe / Người được bảo hiểm kê khai GYCBH / thông tin xe trên HĐBH sai (không đúng mục đích sử dụng của xe hoặc đã thay đổi mục đích sử dụng tại thời điểm xảy ra tổn thất) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định.
 - Chủ xe / Người được bảo hiểm không thông báo cho Bảo hiểm PVI trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).
- 16.2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường.
- Khi Chủ xe / Người được bảo hiểm bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều mức khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, Bảo hiểm PVI sẽ lựa chọn áp dụng một mức giảm trừ số tiền bồi thường có tỷ lệ cao nhất.

Chương III

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN TRÊN XE

Điều 17: Phạm vi bảo hiểm

Trách nhiệm của Chủ xe / Người được bảo hiểm phải bồi thường cho chủ hàng về những tổn thất hàng hóa vận chuyển trên xe theo quy định của Bộ luật Dân sự trong những trường hợp xe bị đâm, va, lật, đổ, rơi, chìm, cháy, nổ; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào; những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên như bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần.

Ngoài ra, Bảo hiểm PVI còn thanh toán cho Chủ xe / Người được bảo hiểm các chi phí cần thiết và hợp lý nhằm:

- Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất cho hàng hoá;
- Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hoá trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn;
- Giám định tổn thất thuộc trách nhiệm của Bảo hiểm PVI.

Bảo hiểm PVI mở rộng phạm vi bồi thường trong trường hợp hàng hoá của chính Chủ xe.

Điều 18: Loại trừ bảo hiểm

Bảo hiểm PVI sẽ không bồi thường cho trách nhiệm của Chủ xe / Người được bảo hiểm đối với những tổn thất hay thiệt hại vật chất của hàng hóa chuyên chở trên xe trong các trường hợp:

1. Thuộc các điểm loại trừ quy định tại Điều 10 - Chương I
2. Lái xe / Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Người được bảo hiểm không trông coi, bảo quản hàng hoá.
3. Mất cắp, bị cướp nhưng loại trừ trường hợp tổn thất hay thiệt hại đối với hàng hoá do xe bị mất cắp hay bị cướp toàn bộ xe.
4. Tổn thất hàng hoá do sự bắt giữ hay trưng dụng xe của cơ quan chức năng nhà nước có thẩm quyền.
5. Tổn thất hàng hoá phát sinh không do nguyên nhân quy định tại Điều 19 xảy ra đối với xe.
6. Hàng hoá hư hỏng tự nhiên, hư hỏng do không đủ phẩm chất, do bao bì đóng gói không đúng quy cách, hàng hóa được chất xếp không đúng yêu cầu kỹ thuật.
7. Giao hàng chậm trễ, giao không đúng người nhận, giao thiếu hoặc sai loại, sai quy cách, sai ký mã hiệu.
8. Hàng hóa bị tổn thất do bị xô, lệch, va, đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do xe đâm, va, lật, đổ, rơi, chìm.
9. Hàng hóa bị cháy không phải do lỗi của bên vận tải; Súc vật sống bị chết do thời tiết hoặc dịch bệnh.
10. Tổn thất hay thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt (trừ khi có thoả thuận khác).

Điều 19: Mức khấu trừ (tổn thất hàng hóa)

Áp dụng Mức khấu trừ 0,50% mức trách nhiệm bảo hiểm hoặc 2.000.000 đồng cho mỗi vụ tổn thất, tùy thuộc số nào lớn hơn.

Điều 20: Giá trị hàng hóa

Giá trị hàng hóa được tính tại thời điểm, địa điểm trước khi đưa hàng lên xe và không vượt quá giá trị thực tế trên thị trường ở nơi đưa hàng lên xe tại thời điểm đó.

Chương IV**BẢO HIỂM TAI NẠN CHO LÁI XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE
(Áp dụng đối với cả xe mô tô, xe máy, xe gắn máy, xe đạp điện)****Điều 21: Đối tượng được bảo hiểm**

Thiệt hại thân thể đối với Lái xe và những người được chở trên xe (Người được bảo hiểm).

Điều 22: Phạm vi bảo hiểm

Trừ những trường hợp thuộc điểm loại trừ như quy định tại Điều 23 dưới đây, Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường cho trường hợp tử vong hay thương tật thân thể của Người được bảo hiểm khi đang ở trên xe hoặc đang lên, xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông.

Điều 23: Loại trừ bảo hiểm

Bảo hiểm PVI sẽ không có trách nhiệm bồi thường trong các trường hợp sau:

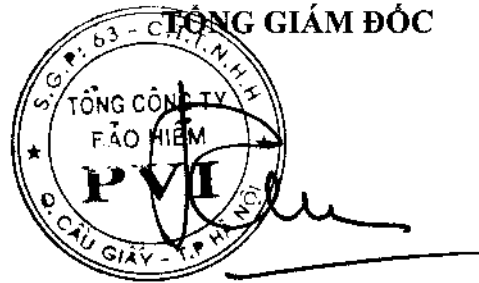
1. Người được bảo hiểm cố ý gây thiệt hại hoặc thực hiện các hành vi trái quy định của pháp luật khi xe đang tham gia giao thông.
2. Người được bảo hiểm điều khiển xe nhưng không có giấy phép lái xe hợp lệ.
3. Người được bảo hiểm điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn, rượu, bia hoặc có các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.
4. Người được bảo hiểm bị tử vong hoặc thương tật thân thể do xe vận chuyển các loại hàng hóa trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển, xếp dỡ hàng gây ra.
5. Người được bảo hiểm bị tử vong hoặc thương tật thân thể do sử dụng xe để tập lái, tham gia hoạt động thể thao, đua xe (kể cả hợp pháp hoặc trái phép)...
6. Tai nạn ngoài lãnh thổ Việt Nam.
7. Xe không tự vận hành mà do một phương tiện khác kéo, đẩy dưới bất kỳ hình thức nào gây tử vong hoặc thương tật thân thể cho Người được bảo hiểm, trừ trường hợp xảy ra đối với Lái xe ô tô.

Điều 24: Mức trách nhiệm bảo hiểm

Mức trách nhiệm bảo hiểm (Số tiền bảo hiểm) cho mỗi chỗ ngồi trên xe được tính trên cơ sở số chỗ ngồi theo thiết kế của xe hoặc theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ.

Điều 25: Quyền lợi bảo hiểm

- 25.1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị tử vong thuộc phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm PVI thanh toán (chỉ trả) toàn bộ Số tiền bảo hiểm ghi trên GCNBH / HĐBH.
- 25.2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể:
- a) Số tiền bảo hiểm đến 100 triệu đồng/người/vụ: Bảo hiểm PVI chi trả bồi thường theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người trong bảo hiểm xe cơ giới ban hành cùng Quy tắc này.
 - b) Số tiền bảo hiểm trên 100 triệu đồng/người/vụ:
 - Thương tật tạm thời: Bảo hiểm PVI thanh toán chi phí y tế thực tế, hợp lý và chi phí bồi dưỡng (tối đa không vượt quá 0,1% Số tiền bảo hiểm/ngày/người bị thương trong thời gian điều trị thương tật) nhưng không vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định tại Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người trong bảo hiểm xe cơ giới ban hành cùng Quy tắc này.
 - Thương tật vĩnh viễn: Được bồi thường theo tỷ lệ trả tiền bảo hiểm quy định tại Bảng trả tiền bảo hiểm nói trên.
- 25.3. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế trên xe (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi) lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên GCNBH, thì mức trả tiền bảo hiểm sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số chỗ ngồi được bảo hiểm với số người thực tế trên xe.
- Trẻ em dưới 7 tuổi được hưởng đầy đủ quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Điều 25 này.



Trương Quốc Lâm

